

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do– Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ- ST
Ngày 03/6/2021
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đạt**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Ngọc Chiến.**

Bà **Lê Thị Thanh Thủy.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Bích Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/6/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2021/TLST- HNGĐ ngày 19/01/2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST - HNGĐ ngày 19/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị S** - sinh năm: 1980.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 6, khu Đông Sơn, phường Cẩm S, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Trần Văn B** - sinh năm 1979.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 6, khu Đông Sơn, phường Cẩm S, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Chị và anh Trần Văn B chung sống với nhau từ cuối năm 1998 nhưng đến năm 2000 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm S, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh. Trước khi chung sống, kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng. Anh, chị kết hôn, chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại

tổ 6, khu Đông Sơn, phường Cẩm S, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B mải chơi, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, khi về nhà đánh đập vợ con. Anh B không quan tâm đến gia đình, không chăm sóc, dạy bảo con chung. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi mắng nhau, ảnh hưởng đến mọi người xung quanh và việc giáo dục con chung. Chị đã cố gắng chịu đựng, khuyên can để anh B thay đổi nhưng anh B không nghe. Anh, chị đã nhiều lần nói chuyện với nhau, cùng nhau khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thì hai bên gia đình và tổ dân khu phố đều biết, đã can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 7 năm 2020 đến nay, anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng sống ly thân nhau, không ai quan tâm tới ai. Đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung là: Trần Thanh Lộc, sinh ngày 04/3/ 2000; Trần Thanh Bình, sinh ngày 01/02/2005 và Trần Thu Minh, sinh ngày 29/5/2015. Khi ly hôn, con chung Trần Thanh Lộc đã thành niên, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thanh Bình, Trần Thu Minh đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Trần Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn B, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến trụ sở Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị S, nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2021, cháu Trần Thanh Bình có nguyện vọng ở cùng mẹ là chị Phạm Thị S.

Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị S. Kết quả xác minh cho thấy tình trạng vợ chồng chị S anh B đã xảy ra mâu thuẫn gia đình trong thời gian dài. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B hay sử dụng rượu, bia nên thường xuyên to tiếng, đánh đập chị S. Vì vậy, vợ chồng anh chị thường xuyên to tiếng, đánh mắng nhau, gây mất an ninh, trật tự. Tổ dân khu phố đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng chị S nhưng không có kết quả. Nay chị S có đơn xin ly hôn anh B, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tố tụng các đương sự tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung, căn cứ các tài liệu

chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị S, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn B có nơi cư trú tại phường Cẩm S, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị S và anh Trần Văn B có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2000 tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm S, thành phố Cẩm Phả là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Chị S cho rằng anh B thường xuyên cờ bạc, rượu chè đánh đập vợ con và không quan tâm đến gia đình. Điều này diễn ra thường xuyên và kéo dài trong nhiều năm nhưng vì thương con nhỏ nên chị cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng. Chị và anh B đã nhiều lần nói chuyện, cùng nhau khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. Do đó, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên to tiếng, cãi mắng nhau, ảnh hưởng đến mọi người xung quanh và việc giáo dục con chung. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thì người thân hai bên gia đình và tổ dân khu phố đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 7 năm 2020 đến nay, anh chị sống cùng nhà nhưng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Do đó, chị S đề nghị được ly hôn anh Trần Văn B, vì tình cảm vợ chồng không còn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành Triệu tập anh B tham gia tố tụng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh B nhưng anh B đều vắng mặt. Điều đó thể hiện sự không hợp tác trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng của bị đơn anh Trần Văn B.

Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 08/4/2021 tại khu Đông Sơn, phường Cẩm S, thành phố Cẩm Phả thể hiện nội dung tình trạng hôn nhân của chị S và anh B về cơ bản đúng như chị S đã trình bày.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh B đã trầm trọng, hai người đã sống ly thân nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị S là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh, chị có 03 con chung là: Trần Thanh Lộc, sinh ngày 04/3/ 2000; Trần Thanh Bình, sinh ngày 01/02/2005 và Trần Thu Minh, sinh ngày 29/5/2015. Khi ly hôn, con chung Trần Thanh Lộc đã thành niên, phát triển bình

thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị S có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thanh Bình và Trần Thu Minh đến khi đủ tuổi thành niên. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không rõ quan điểm của anh về việc nuôi dưỡng con chung. Chị S hiện là lao động tự do, thu nhập đảm bảo điều kiện chăm sóc các con chung. Mặt khác yêu cầu của chị S phù hợp với nguyện vọng của con chung nên căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị S, giao hai con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo lợi ích toàn diện của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về công nợ chung: Các đương sự không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu “xin ly hôn” của nguyên đơn chị Phạm Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Con chung Trần Thanh Lộc, sinh ngày 04/3/2000 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, Tòa án không giải quyết. Giao hai con chung là Trần Thanh Bình, sinh ngày 01/02/2005 và Trần Thu Minh, sinh ngày 29/5/2015 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về công nợ chung: Các đương sự không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị S phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005677, ngày 18/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND TP Cẩm Phả;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm S, TP. Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP

Nguyễn Văn Đạt

